

Bản án số: 55/2024/DS-PT
Ngày 09 tháng 8 năm 2024
V/v “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn; Ông Nguyễn Quang Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ có kháng cáo của đương sự.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Tổng Công ty bảo hiểm X T (Nay là Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm L)

Địa chỉ: Tầng X, LPB Tower, Số Y T Đ, phường T T, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1972, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Kiểm soát nội bộ; Và ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970, chức vụ: Chuyên viên phòng Kiểm soát nội bộ (Văn bản ủy quyền số 200/2023/UQ-XTI-KSNB ngày 25/10/2023);

- **Bị đơn:** Ông Lưu Công T, sinh năm 1975;

Nơi ĐKKHKT: Đội X, xã T V, T.P V T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Tổ X, khu T T, phường T D, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Lưu Công T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm X T (viết tắt là Tổng công ty) tiền thân là Công ty cổ phần Bảo hiểm T S, đến ngày 19/01/2024, Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm X T được đổi tên là Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm L (viết tắt là Bảo hiểm L). Tổng công ty gồm có các Công ty thành viên được thành lập ở 1 số tỉnh trong đó tỉnh Phú Thọ có Công ty Bảo hiểm X (viết tắt là X).

Ông Lưu Công T đã ký hợp đồng lao động với Tổng công ty và được bổ nhiệm chức danh Giám đốc X trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 21/09/2012. Theo đó, Ông Lưu Công T được đại diện X thực hiện các công việc trong phạm vi được Tổng Công ty giao thông qua Quyết định giao kế hoạch hằng năm.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của X, Ông T đã không tuân thủ quy định của Tổng Công ty, tự ý chi vượt định mức chi phí đã được giao theo Quyết định giao kế hoạch năm 2011, 2012 gây thất thoát, thiệt hại cho Bảo hiểm X T và làm mất 517 seri ấn chỉ với tổng số tiền thiệt hại là 1.480.532.399 đồng.

Sau khi phát hiện sự việc, Tổng Công ty đã liên tục liên hệ qua điện thoại, gửi công văn triệu tập, yêu cầu và tạo điều kiện để Ông T bồi thường thiệt hại. Ngày 13/4/2022, Ông T đã đến trụ sở Tổng Công ty tham gia cuộc họp trao đổi các nội dung liên quan đến công nợ. Tại Biên bản làm việc số 781/2022/BB-XTI-KSNB cùng ngày, Ông T đã cam kết khắc phục số công nợ và nộp số tiền phạt mất 517 seri ấn chỉ tương ứng với số tiền là 1.480.532.399 đồng (công nợ năm 2011 là 797.541.036 đồng; công nợ năm 2012 là 642.427.363 đồng; tiền phạt mất ấn chỉ là 40.564.000 đồng).

Tuy nhiên, từ thời điểm ngày 13/04/2022 đến nay, mặc dù Tổng công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và gửi công văn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền bồi thường thiệt hại theo như cam kết nhưng Ông T vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bồi thường thiệt hại cho Bảo hiểm L số tiền là 1.480.532.399 đồng. Ngoài tiền gốc, nguyên đơn yêu cầu đòi tiền lãi suất đối với khoản nợ trên tính từ ngày 31/12/2012 đến ngày 20/12/2023 là 10 năm 354 ngày x lãi suất là 10%/năm, tổng là 1.624.123.706 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần đòi lãi; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phạt mất ấn chỉ là 40.564.000 đồng; đối với các vấn đề khác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Lưu Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình trốn tránh nên không có bản tự khai, không thể hiện quan điểm về việc khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024

của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 588, 589, 600 Bộ luật dân sự 2015; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi tiền mất án chỉ và đòi tiền lãi suất do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền thiệt hại xảy ra do chi vượt nguồn năm 2011, 2012.

Buộc Ông Lưu Công T phải trả cho Tổng Công ty bảo hiểm X T số tiền thiệt hại xảy ra do chi vượt nguồn năm 2011 là 797.541.036đ, năm 2012 là 642.427.363đ; tổng cộng là 1.439.968.399đ (Một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 24/4/2024, bị đơn Ông Lưu Công T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 16/7/2024, bị đơn Ông Lưu Công T có đơn kiến nghị đề xuất với nội dung: *“Những số liệu Tổng công ty đưa ra và thực tế trong quá trình quản lý điều hành kinh doanh của đơn vị trong thời gian tôi quản lý có những phần là khách quan và chủ quan và là chi phí cho sinh hoạt chung của một tập thể chứ không phải của một cá nhân tôi. Đơn vị kinh doanh mới thành lập nên cũng rất vất vả tốn kém chi phí để cho việc quảng bá thương hiệu, tuyển dụng nhân sự. Với mong muốn xây dựng và phát triển đơn vị Phú Thọ lớn mạnh nên cũng không tránh khỏi được việc vượt các chi phí theo định mức. Điều kiện hoàn cảnh của tôi tại thời điểm hiện tại bây giờ rất khó khăn, thất nghiệp không có công ăn việc làm phải đi lao động phổ thông thu nhập chỉ đủ duy trì cuộc sống tối thiểu và phải nuôi con ăn học. Vậy tôi làm đơn này kính đề nghị Ban lãnh đạo Tổng công ty xem xét giảm trừ cho tôi số tiền như theo Bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V T đã quyết định là: 1.439.968.399 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi*

chín đồng) xuống còn là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Về bản thân tôi sẽ có trách nhiệm, có lộ trình hoàn trả theo quy định và thoả thuận”.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lưu Công T.

Xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Ông Lưu Công T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của Ông Lưu Công T trong thời hạn Luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do bị đơn là giám đốc công ty thành viên, thực hiện nhiệm vụ vượt quá phạm vi đại diện, gây thiệt hại về tài sản; bị đơn cố tình trốn tránh không thể hiện quan điểm, không có yêu cầu phản tố nên đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn cư trú tại thành phố V T nên Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo Ông Lưu Công T nhận thấy:

- Xét yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với số công nợ vượt nguồn năm 2011, 2012:

Nguyên đơn là Tổng công ty, có thành lập các công ty thành viên tại một số tỉnh để thực hiện chức năng kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trong đó có X, được thành lập tại tỉnh Phú Thọ.

Mặc dù, nguyên đơn không xuất trình được hợp đồng lao động ký kết với bị đơn theo yêu cầu của Tòa án nhưng thông qua các văn bản của X ngày 10/01/2012 (do bị đơn ký), Biên bản làm việc ngày 13/4/2022 (có chữ ký của bị đơn), Quyết định 308 ngày 21/9/2012 về việc đình chỉ nhiệm vụ quản lý của Lưu CÔNG T tại Phú Thọ... thì đủ căn cứ xác định thời điểm từ ngày 01/01/2011 đến ngày 21/9/2012, bị đơn được bổ nhiệm làm giám đốc Công ty Bảo hiểm X, có trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty tại tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào quy định Tổng công ty thì giám đốc của các công ty thành viên có trách nhiệm thực hiện các công việc trong phạm vi đại diện, mọi hành vi vượt quá phạm vi đại diện, gây thiệt hại về tài sản cho công ty thì đó là hành vi trái pháp luật và phải có trách nhiệm bồi thường. Điều này được bị đơn thừa nhận trong văn bản làm việc giữa hai bên, đây không phải là thiệt hại phát sinh từ quan hệ hợp đồng mà là thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự.

Theo nguyên đơn, từng năm Tổng công ty đều có các quyết định phê duyệt dự toán, các Quyết định giao kế hoạch, ấn định hạn mức được chi đối với các công ty thành viên, giám đốc các đơn vị chỉ được chi trong hạn mức cho phép. Đối với Công ty Bảo hiểm X trong thời gian bị đơn làm giám đốc đã chi vượt quá định mức số tiền 797.541.036 đồng (năm 2011), số tiền 642.427.363 đồng (năm 2012); tiền phạt mất ấn chỉ là 40.564.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/4/2022, bị đơn thừa nhận số công nợ vượt nguồn năm 2012 là đúng và cam kết chịu trách nhiệm. Đối với số công nợ vượt nguồn năm 2011 bị đơn cho rằng chi phí vượt định mức công ty giao nhưng đều đã có tờ trình và được Tổng công ty phê duyệt triển khai nhưng lại không cung cấp được văn bản chứng minh. Đối với số tiền nộp phạt mất ấn chỉ bị đơn thừa nhận nhưng cho rằng do cán bộ kinh doanh không thu hồi được nên xin được giảm trừ.

Như vậy, các thiệt hại thực tế xảy ra được các đương sự thừa nhận trong các văn bản trước khi khởi kiện, đến nay bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ chứng minh nên cần xác định các thiệt hại thực tế xảy ra như trình bày của nguyên đơn là đúng. Các thiệt hại này là do hành vi trái pháp luật của bị đơn gây ra nên phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Mọi hoạt động của Công ty Bảo hiểm X tại thời điểm từ ngày 01/01/2011 đến ngày 21/9/2012 đều do giám đốc, đại diện theo pháp luật là Ông T chịu trách nhiệm đã được ông thừa nhận lỗi tại Biên bản làm việc ngày 13/4/2022.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án thấy rằng nghĩa vụ của Ông T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế xảy ra cho nguyên đơn là phù hợp. Theo quy định tại Điều 585 Bộ luật Dân sự 2015 về nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời; các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều

lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tại Biên bản làm việc ngày 13/4/2022, hai bên đã thỏa thuận lộ trình khắc phục bằng việc sẽ ký lại hợp đồng lao động thì sau đó Ông T sẽ phát triển doanh thu, Tổng công ty sẽ trừ vào nguồn chi hàng năm của đơn vị để khắc phục công nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn không hợp tác, cố tình trốn tránh nên cần buộc Ông T phải bồi thường toàn bộ số tiền chi vượt hạn mức năm 2011, 2012 là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm Ông T có đơn đề xuất giảm trừ số tiền như theo Bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V T đã quyết định là: 1.439.968.399 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng) xuống còn là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) nhưng phía nguyên đơn không nhất trí nên không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Lưu Công T phải trả cho Tổng Công ty bảo hiểm X T số tiền thiệt hại xảy ra do chi vượt nguồn năm 2011 là 797.541.036đ, năm 2012 là 642.427.363đ; tổng cộng là 1.439.968.399đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền phạt mất ấn chỉ và tiền lãi của số tiền phải thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu đòi tiền phạt mất ấn chỉ số tiền là 40.564.000 đồng và tính lãi tính từ ngày 31/12/2012 đến ngày 20/12/2023 là 1.624.123.706 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu với các phần này và việc rút là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

Từ các phân tích trên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Lưu Công T.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Công T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lưu Công T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 588, 589, 600 Bộ luật dân sự 2015; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi tiền mất ấn chỉ và đòi tiền lãi suất do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền thiệt hại xảy ra do chi vượt nguồn năm 2011, 2012.

Buộc Ông Lưu Công T phải trả cho Tổng Công ty bảo hiểm X T (Nay là Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm L) số tiền thiệt hại xảy ra do chi vượt nguồn năm 2011 là 797.541.036đ, năm 2012 là 642.427.363đ; tổng cộng là 1.439.968.399đ (Một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Lưu Công T phải chịu 55.199.052đ (Năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

Trả lại cho Tổng Công ty bảo hiểm X T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.207.000đ (Hai mươi tám triệu hai trăm linh bảy nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005505 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Công T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Ông T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006039 ngày 02/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS thành phố V T;
- TAND thành phố V T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng